

# **Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 31

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	
Ông Đỗ Quốc Lâm	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2015

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Nhu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

#### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con ("Nhóm Công ty") và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015





Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Building a better  
working world

Số tham chiếu: 61194318/17770388/LR

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 31 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 20 tháng 3 năm 2015. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 14 tháng 8 năm 2014.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ernest Young Chin-Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2013-004-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>70.357.902.450</b>	<b>86.163.201.323</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>55.563.029.096</b>	<b>56.962.391.455</b>
111	1. Tiền		243.029.096	20.779.010.355
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.320.000.000	36.183.381.100
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>10.087.000.000</b>	<b>6.900.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.087.000.000	6.900.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.582.888.456</b>	<b>21.746.759.197</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	6	760.639.525	14.414.084.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	95.900.000	1.525.242.893
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	2.500.000.000	4.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.274.699.369	1.926.269.429
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(48.350.438)	(251.869.246)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	33.031.519
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>124.984.898</b>	<b>554.050.671</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	548.091.934
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		124.984.898	5.958.737
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>224.717.816.293</b>	<b>227.430.722.492</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.474.617.902</b>	<b>5.275.711.902</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	2.852.492.902	4.102.986.902
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	622.125.000	1.172.725.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>19.226.809.920</b>	<b>20.786.258.417</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.936.469.060	7.495.917.557
222	Nguyên giá		10.041.604.768	13.050.086.563
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.105.135.708)	(5.554.169.006)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	13.290.340.860	13.290.340.860
228	Nguyên giá		13.290.340.860	13.290.340.860
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>66.672.251.631</b>	<b>67.736.283.633</b>
231	1. Nguyên giá		75.781.699.978	75.781.699.978
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(9.109.448.347)	(8.045.416.345)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>135.299.837.340</b>	<b>133.632.468.540</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		130.312.000.000	130.312.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000	8.080.800.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.092.962.660)	(4.760.331.460)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>44.299.500</b>	<b>-</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		44.299.500	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>295.075.718.743</b>	<b>313.593.923.815</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>8.275.353.208</b>	<b>29.078.305.560</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.191.582.208</b>	<b>27.994.534.560</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	11.270.866.675
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.376.724.268	8.541.435.542
318	3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		723.000.000	699.293.216
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.427.465.217	3.818.546.404
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.083.771.000</b>	<b>1.083.771.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	1.083.771.000	1.083.771.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>286.800.365.535</b>	<b>284.515.618.255</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.1</b>	<b>286.800.365.535</b>	<b>284.515.618.255</b>
411	1. Vốn cổ phần		138.013.850.000	138.013.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.572.620.000	2.572.620.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.206.190.840)	(2.206.190.840)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		17.682.346.542	17.682.346.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		130.737.739.833	128.452.992.553
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kì trước		114.712.607.553	75.796.073.583
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		16.025.132.280	52.656.918.970
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>295.075.718.743</b>	<b>313.593.923.815</b>

  
Trinh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SIÊU THANH  
QUẬN 7, T.P. HỒ CHÍ MINH  
Yung Gam Meng  
Tổng Giám đốc


Ngày 26 tháng 8 năm 2015




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	7.210.726.111	105.992.723.740
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(2.177.110)	(366.901.149)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	7.208.549.001	105.625.822.591
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(4.025.043.748)	(47.540.790.131)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.183.505.253	58.085.032.460
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	13.888.543.974	4.592.987.657
22	7. Chi phí tài chính	21	1.667.329.477	440.050.131
25	8. Chi phí bán hàng	19	(24.075.268)	(20.012.619.277)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(1.646.203.874)	(14.758.522.242)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.069.099.562	28.346.928.729
31	11. Thu nhập khác	23	344.821.817	1.478.594
32	12. Chi phí khác	23	(332.172.796)	(112.168.513)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	23	12.649.021	(110.689.919)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.081.748.583	28.236.238.810
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(1.056.616.303)	(5.584.532.538)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế		16.025.132.280	22.651.706.272

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>17.081.748.583</b>	<b>28.236.238.810</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 12	1.460.481.774	3.725.154.001
03	Hoàn nhập dự phòng		(1.870.887.608)	(676.276.749)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2, 23	(14.161.225.097)	(4.514.475.674)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>2.510.117.652</b>	<b>26.770.640.388</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		17.786.957.388	(964.570.082)
10	Tăng hàng tồn kho		-	(8.344.729.043)
11	Giảm các khoản phải trả		(16.429.833.339)	(9.238.426.694)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		503.792.434	(186.640.866)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(6.109.613.316)	(7.061.220.967)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.738.579.181)</b>	<b>975.052.736</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		-	(1.146.254.358)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.495.454.545	-
23	Tiền chi cho vay		(10.087.000.000)	-
24	Tiền thu hồi từ cho vay		8.500.000.000	3.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.491.269.277	4.514.475.674
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>13.399.723.822</b>	<b>6.368.221.316</b>

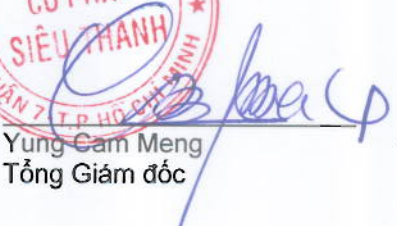
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
36	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Cổ tức đã trả	16.2	(13.060.507.000)	(12.490.091.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(13.060.507.000)	(12.490.091.350)
50	Giảm thuần tiền và tương đương tiền trong kỳ		(1.399.362.359)	(5.146.817.298)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	56.962.391.455	72.963.128.179
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	55.563.029.096	67.816.310.881

  
Trịnh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 8 (31 tháng 12 năm 2014: 440).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Phương tiện vận tải	4 năm

#### 3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 *Cổ phiếu quỹ***

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.13 *Phân chia lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.14 *Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư chứng khoán để kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho bên liên quan vay, phải thu khách hàng, phải thu các bên liên quan và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	666	192.207.752
Tiền gửi ngân hàng	243.028.430	20.586.802.603
Các khoản tương đương tiền	55.320.000.000	36.183.381.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.563.029.096</b>	<b>56.962.391.455</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng với gốc kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 6,5% một năm.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Số dư thể hiện các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn, Chi nhánh Nguyễn Công Trứ và hưởng lãi suất dao động từ 6,45% đến 6,50% một năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	358.000.000	358.000.000
Các bên không phải bên liên quan	402.639.525	14.056.084.602
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>760.639.525</b>	<b>14.414.084.602</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(48.350.438)	(251.869.246)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>712.289.087</b>	<b>14.162.215.356</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho bên thứ ba	95.900.000	1.525.242.893



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	596.000.000	1.588.990.955
Ký quỹ, ký cược	341.199.369	316.053.422
Phải thu khác	337.500.000	21.225.052
	<u>1.274.699.369</u>	<u>1.926.269.429</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	622.125.000	1.172.725.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.896.824.369</u></b>	<b><u>3.098.994.429</u></b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

Số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay dài hạn không lãi suất đối với các nhân viên của Công ty.

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ		
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9.033.986.773	4.016.099.790	13.050.086.563
Thanh lý	-	(3.008.481.795)	(3.008.481.795)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>9.033.986.773</u>	<u>1.007.617.995</u>	<u>10.041.604.768</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.461.421.000	-	1.461.421.000
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	(3.596.822.937)	(1.957.346.069)	(5.554.169.006)
Khấu hao trong kỳ	(151.448.772)	(245.001.000)	(396.449.772)
Thanh lý	-	1.845.483.070	1.845.483.070
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>(3.748.271.709)</u>	<u>(356.863.999)</u>	<u>(4.105.135.708)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>5.437.163.836</u>	<u>2.058.753.721</u>	<u>7.495.917.557</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>5.285.715.064</u>	<u>650.753.996</u>	<u>5.936.469.060</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Số dư thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng và không khấu hao.

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VNĐ		
	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 30 tháng 6 năm 2015	26.320.699.978	49.461.000.000	75.781.699.978
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	(4.819.708.345)	(3.225.708.000)	(8.045.416.345)
Hao mòn trong kỳ	(526.414.002)	(537.618.000)	(1.064.032.002)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	(5.346.122.347)	(3.763.326.000)	(9.109.448.347)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.500.991.633	46.235.292.000	67.736.283.633
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	20.974.577.631	45.697.674.000	66.672.251.631

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Đầu tư vào các công ty con (i)		130.312.000.000		130.312.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000		8.080.800.000
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh điện lực TP HCM	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.092.962.660)		(4.760.331.460)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>135.299.837.340</b>		<b>133.632.468.540</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	VNĐ			
	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	79.200.000.000	90,00	79.200.000.000	90,00
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	28.520.000.000	55,06	28.520.000.000	55,06
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	22.592.000.000	58,23	22.592.000.000	58,23
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.312.000.000</b>		<b>130.312.000.000</b>	

Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh ("TBVP Siêu Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng.

Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh ("Ô tô Kim Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng ô tô.

Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh ("Ô tô Cường Thanh"), hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ			
	31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30 tháng 6 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	5.719.504.596	1.056.616.303	(6.109.613.316)	666.507.583
Thuế thu nhập cá nhân	176.895.623	477.475.114	(127.031.244)	527.339.493
Thuế giá trị gia tăng	2.639.076.586	744.077.438	(3.325.261.730)	57.892.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.535.476.805</u></b>	<b><u>2.278.168.855</u></b>	<b><u>(9.561.906.290)</u></b>	<b><u>1.251.739.370</u></b>
Trong đó:				
Thuế nộp thừa	(5.958.737)			(124.984.898)
Thuế phải trả	8.541.435.542			1.376.724.268

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	917.804.475	1.664.827.775
Thu hộ	478.103.793	2.132.282.854
Cổ tức phải trả	20.754.625	21.435.775
Bảo hiểm xã hội	10.802.324	-
	<u>1.427.465.217</u>	<u>3.818.546.404</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.083.771.000	1.083.771.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.511.236.217</u></b>	<b><u>4.902.317.404</u></b>



## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 16.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn có phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	125.525.230.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	11.957.902.000	115.765.463.583	257.495.986.285
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	22.651.706.272	22.651.706.272
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(12.491.523.000)	(12.491.523.000)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>125.525.230.000</b>	<b>2.572.620.000</b>	<b>(2.206.190.840)</b>	<b>3.880.961.542</b>	<b>11.957.902.000</b>	<b>125.925.646.855</b>	<b>267.656.169.557</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây) Trình bày lại	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	13.801.385.000	128.452.992.553	284.515.618.255
	-	-	-	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	-	128.452.992.553	284.515.618.255
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	16.025.132.280	16.025.132.280
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(13.740.385.000)	(13.740.385.000)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>138.013.850.000</b>	<b>2.572.620.000</b>	<b>(2.206.190.840)</b>	<b>17.682.346.542</b>	<b>-</b>	<b>130.737.739.833</b>	<b>286.800.365.535</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2014 ngày 18 tháng 4 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng 20% mệnh giá thông qua việc phát hành cổ phiếu và niêm yết số cổ phiếu chia cổ tức này trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trên vào ngày 20 tháng 7 năm 2015, và được chấp thuận thông qua Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn đầu kỳ và cuối kỳ	138.013.850.000	125.525.230.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	13.740.385.000	12.491.523.000
Cổ tức đã trả	13.060.507.000	12.490.091.350

**16.3 Cổ phiếu**

	30 tháng 6 năm 2015	Số cổ phiếu 31 tháng 12 năm 2014
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.801.385	13.801.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.801.385	13.801.385
Cổ phiếu quỹ	(61.000)	(61.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.740.385	13.740.385

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>7.210.726.111</b>	<b>105.992.723.740</b>
<i>Trong đó:</i>		
Tiền cho thuê	5.405.614.086	3.283.263.270
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.223.263.264	15.224.482.879
Doanh thu bán hàng hóa	581.848.761	87.484.977.591
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.177.110)</b>	<b>(366.901.149)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(1.177.110)	(37.860.000)
Chiết khấu thương mại	(1.000.000)	(329.041.149)
<b>DOANH THU THUẬN</b>	<b>7.208.549.001</b>	<b>105.625.822.591</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. DOANH THU (tiếp theo)**

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.611.120.000	2.852.000.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	1.217.649.277	1.662.475.674
Khác	59.774.697	78.511.983
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.888.543.974</u></b>	<b><u>4.592.987.657</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn cho thuê	3.123.576.706	1.064.032.002
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	502.570.058	2.591.875.480
Giá vốn của hàng hóa đã bán	398.896.984	43.884.882.649
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.025.043.748</u></b>	<b><u>47.540.790.131</u></b>

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.195.220	939.327.770
Chi phí lương	-	18.861.414.559
Chi phí nguyên vật liệu	-	22.465.283
Khác	10.880.048	189.411.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.075.268</u></b>	<b><u>20.012.619.277</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí lương	969.683.361	7.197.005.388
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 10</i> )	396.449.772	885.645.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.204.248	4.330.567.099
Chi phí nguyên vật liệu	-	664.689.627
Khác	90.866.493	1.680.614.356
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.646.203.874</u></b>	<b><u>14.758.522.242</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư công ty con	(1.667.368.800)	(440.067.821)
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	39.323	17.690
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(1.667.329.477)</u></b>	<b><u>(440.050.131)</u></b>

**22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	4.025.043.748	47.540.790.131
Chi phí lương	969.683.361	26.058.419.947
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 10</i> )	396.449.772	885.645.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.399.468	5.269.894.869
Chi phí khác	101.746.541	2.557.180.931
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.695.322.890</u></b>	<b><u>82.311.931.650</u></b>

**23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thu nhập khác	344.821.817	1.478.594
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	332.455.820	340
Thu nhập khác	12.365.997	1.478.254
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(332.172.796)</u></b>	<b><u>(112.168.513)</u></b>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN</b>	<b><u>12.649.021</u></b>	<b><u>(110.689.919)</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 24.1 Thuế TNDN

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.056.616.303</u>	<u>5.584.532.538</u>

### 24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.081.748.583</b>	<b>28.236.238.810</b>
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	332.172.796	-
Cổ tức nhận được	<u>(12.611.120.000)</u>	<u>(2.852.000.000)</u>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>4.802.801.379</b>	<b>25.384.238.810</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.056.616.303</b>	<b>5.584.532.538</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.719.504.596	5.690.371.035
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(6.109.613.316)</u>	<u>(7.061.220.967)</u>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>666.507.583</u></b>	<b><u>4.213.682.606</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Cổ phần Thiết bị văn phòng Siêu Thanh	Công ty con	Cho vay	10.200.000.000	-
		Cổ tức	7.920.000.000	-
		Cho thuê văn phòng	2.036.181.816	-
		Thuê máy móc	497.074.837	-
		Mua hàng hóa	403.892.605	-
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Cho vay	9.000.000.000	17.000.000.000
		Cổ tức	2.852.000.000	-
		Mua tài sản cố định	-	867.272.727
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Thu hồi khoản cho vay	19.600.000.000	-
		Cho vay	18.000.000.000	3.800.000.000
		Cho thuê văn phòng	1.952.727.270	1.979.298.110

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lương và các lợi ích khác	<u>1.162.219.512</u>	<u>2.112.206.029</u>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho thuê văn phòng	<u>358.000.000</u>	<u>358.000.000</u>
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay	<u>2.500.000.000</u>	<u>4.100.000.000</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	<u>-</u>	<u>(11.264.426.835)</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có tiền mặt, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như trình bày sau đây:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư tài chính.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VNĐ.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có rủi ro trọng yếu về giá cổ phiếu.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng*** (tiếp theo)

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng đã chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>VNĐ</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>30 tháng 6 năm 2015</b>			
Các khoản phải trả khác	<u>1.427.465.217</u>	<u>1.083.771.000</u>	<u>2.511.236.217</u>
<b>31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán	11.270.866.675	-	11.270.866.675
Các khoản phải trả khác	<u>3.818.546.404</u>	<u>1.083.771.000</u>	<u>4.902.317.404</u>
	<b><u>15.089.413.079</u></b>	<b><u>1.083.771.000</u></b>	<b><u>16.173.184.079</u></b>

***Tài sản đảm bảo***

Công ty không thể chấp hoặc nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây bao gồm giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	30 tháng 6 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014		
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	
<b>Các tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	8.080.800.000	-	8.080.800.000	-	8.080.800.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.087.000.000	-	6.900.000.000	-	6.900.000.000
Cho bên liên quan vay	2.500.000.000	-	4.100.000.000	-	4.100.000.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn	402.639.525	(48.350.438)	14.056.084.602	(251.869.246)	13.804.215.356
Phải thu các bên liên quan	358.000.000	-	358.000.000	-	358.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.274.699.369	-	1.926.269.429	-	1.926.269.429
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.563.029.096	-	56.962.391.455	-	56.962.391.455
<b>Tổng cộng</b>	<b>78.266.167.990</b>	<b>(48.350.438)</b>	<b>92.383.545.486</b>	<b>(251.869.246)</b>	<b>92.131.676.240</b>
					VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	-	6.439.840	6.439.840
Các khoản phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	11.264.426.835	11.264.426.835
Các khoản phải trả khác	2.511.236.217	-	2.511.236.217	4.902.317.404	4.902.317.404
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.511.236.217</b>	<b>-</b>	<b>2.511.236.217</b>	<b>16.173.184.079</b>	<b>16.173.184.079</b>

HA 22 1.5.11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Ngoại trừ các khoản được đề cập trong đoạn trên, giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và quyết định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không khác biệt lớn so với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	2.520.000.000	2.520.000.000
Từ 1 đến 5 năm	5.040.000.000	6.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.560.000.000</b>	<b>8.820.000.000</b>

**29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (trình bày trước đây)	Trình bày lại	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>			
Tương đương tiền	43.083.381.100	(6.900.000.000)	36.183.381.100
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	6.900.000.000	6.900.000.000
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	4.100.000.000	4.100.000.000
Các khoản phải thu khác	4.121.225.052	(2.194.955.623)	1.926.269.429
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	33.031.519	33.031.519
Các tài sản ngắn hạn khác	1.938.075.896	(1.938.075.896)	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	1.172.725.000	1.172.725.000
Các tài sản dài hạn khác	1.172.725.000	(1.172.725.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542
Quỹ dự phòng tài chính	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)**

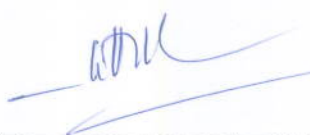
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>VNĐ</i>
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (được trình bày lại)</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Thay đổi khoản phải thu	1.745.789.129	(2.710.359.211)	(964.570.082)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	486.046.589	(486.046.589)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(196.405.800)	196.405.800	-
Tiền thu hồi cho vay	-	3.000.000.000	3.000.000.000

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngoài sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 16, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  
Trinh Thị Thanh Nhân  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2015